

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-5-2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Đoàn;

Ông Huỳnh Việt Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Kiều T1, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Lê Minh T2, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Kiều T1 trình bày: Vào năm 2012 được sự đồng ý của hai bên gia đình làm đám cưới nên bà và ông Lê Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau, đến tháng 04 năm 2013 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống đã có ba đứa con nhưng không được hạnh phúc, do chồng không quan tâm và lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng không tôn trọng và nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi giận dỗi. Mâu thuẫn của vợ chồng gay gắt và trầm

trọng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Bà nhận thấy giữa bà với ông T2 không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U giải quyết ly hôn với ông T2. Về con chung: có ba con chung tên Lê Trương Phú G1, sinh ngày 18/07/2009, Lê Trương Phước G, sinh ngày 07/08/2012 và Lê Trương Thế G1, sinh ngày 24/07/2018. Bà đang nuôi Lê Trương Phú G1 và Lê Trương Phước G2. Chồng nuôi Lê Trương Thế G1. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Lê Trương Phú G1 và Lê Trương Phước G2, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà đồng ý giao cho chồng tiếp tục nuôi Lê Trương Thế G1. Bà yêu cầu được quyền tới lui thăm con không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: không yêu cầu, nợ chung: không có nên không yêu cầu.

- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 17/4/2023 của Lê Trương Phú G1 và Lê Trương Phước G2, thể hiện hai con hiện đang ở với mẹ và có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trương Kiều T1 và ông Lê Minh T2 được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T2.

[2] Về nội dung: Bà Trương Kiều T1 và ông Lê Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Trương Kiều T1 và ông Lê Minh T2 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đối với yêu cầu ly hôn của bà T1, ông T2 không có ý kiến. Xét thấy, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, bà T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T2, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T1 với ông T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà T1 yêu cầu ly hôn ông T2 là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: tên Lê Trương Phú G1, sinh ngày 18/07/2009 và Lê Trương Phước G, sinh ngày 07/08/2012, xét thấy, các con chung hiện do bà T1 nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, bà T1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1 về nuôi con chung, giao con chung tên Lê Trương Phú G1, sinh ngày 18/07/2009 và Lê Trương Phước G, sinh ngày 07/08/2012 cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Lê Trương Thế G1, sinh ngày 24/07/2018 bà T1 xác định hiện do ông T2 nuôi và đồng ý giao con cho ông T2 tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Trương Thế G1, sinh ngày 24/07/2018 cho ông T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng bà T1, ông T2 có quyền nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Kiều T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Kiều T1 được ly hôn với ông Lê Minh T2.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trương Phú G1, sinh ngày 18/07/2009 và Lê Trương Phước G, sinh ngày 07/08/2012 cho bà Trương Kiều T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Trương Thế G1, sinh ngày 24/07/2018 cho ông Lê Minh T2 tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng bà T1, ông T2 có quyền nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Kiều T1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Trương Kiều T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010730 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng